|  |  |
| --- | --- |
| **Tuần 25**  **Tiết 65** | ***Ngày soạn: 9/03/2024***  ***Ngày dạy: 12/03/2024*** |

**BÀI 30: LÀM TRÒN VÀ ƯỚC LƯỢNG**

**I. MỤC TIÊU**

**1. Kiến thức:** Nhận biết được thế nào là làm tròn số, làm tròn số thập phân đến 1 hàng nào đấy**.** Nhận biết được thế nào là ước lượng kết quả một phép đo, phép tính, ước lượng dùng làm gì.

**2. Kĩ năng và năng lực**

**a. Kĩ năng:** Làm tròn số thập phân. Ước lượng kết quả phép đo, phép tính. Vận dụng làm tròn số thập phân trong một số tình huống thực tiễn

**b. Năng lực:**

- Năng lực chung: Năng lực tư duy và lập luận toán học; năng lực mô hình hóa toán học; năng lực giải quyết vấn đề toán học; năng lực giao tiếp toán học; năng lực sử dụng công cụ, phương tiện học toán

- Năng lực riêng: hiểu và thực hiện các bài toán trong sgk

**3. Phẩm chất**

- Rèn luyện thói quen tự học, ý thức hoàn thành nhiệm vụ học tập, bồi dưỡng hứng thú học tập cho HS.

- Bồi dưỡng ‎ thức tiết kiệm, tuân thủ luật giao thông.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

**1. Đối với giáo viên:** Nếu có điều kiện, GV chuẩn bị một điện thoại thông minh có tài phần mềm Plickers, mã làm bài cho mỗi HS để có thể đánh giá nhanh chóng các kĩ năng của HS (https://get.plickers.com/).

**2. Đối với học sinh:** Đó dùng học tập: vở nháp, bút

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**A. HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG**

**a. Mục tiêu:** Tạo tâm thế hứng thú cho học sinh và từng bước làm quen bài học.

**b. Nội dung:** GV trình bày vấn đề, HS trả lời câu hỏi

**c. Sản phẩm học tập:** HS lắng nghe và tiếp thu kiến thức

**d. Tổ chức thực hiện:**

*Gv trình bày vấn đề*:

|  |  |
| --- | --- |
| *Em có biết vì sao trong phần mở đầu đoạn tin bên, người ta lại viết "trên 232 triệu USD thay vì viết "232,142 372 triệu USD?*  *Trong nhiều trường hợp, để thuận tiện, ta thường làm tròn các con số hay ước lượng kết quả của phép tính. Trong bài học này, ta sẽ tìm hiểu các cách ước lượng và làm tròn.* |  |

**B.HÌNH THÀNH KIẾN THỨC MỚI**

**Hoạt động 1: Làm tròn số**

**a. Mục tiêu**: HS hiểu được quy tắc làm tròn số thập phân dương

**b. Nội dung:** Đọc thông tin sgk, nghe giáo viên hướng dẫn, học sinh thảo luận, trao đổi.

**c. Sản phẩm học tập:**Câu trả lời của HS

**- HĐ1:**

a.Theo em , khối lượng của hộp màu hồng nặng khoảng 6 kg.

b.Khối lượng của hộp màu vàng nặng khoảng 5 kg

**- Câu hỏi 1:**Trong câu a, nếu viết kết quả làm tròn là 24 không được vì số 24,037 làm tròn tới hàng phần mười .

**- LT1:** Làm tròn số 3,141 59 tới hàng phần nghìn ta được kết quả là : 3,142.

**- VD:**Làm tròn số 479 633 tới hàng nghìn ta được kết quả là: 480 000

**d. Tổ chức thực hiện:**

**Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**

- GV cho HS thực hiện hoạt động, từ đó dẫn đến quy tắc làm tròn số thập phân. Cho HS ghi chép cẩn thận quy tắc làm tròn số thập phân dương

- VD1: GV cần làm rõ các bước:

+ Xác định hàng làm tròn, chỉ ra chữ số ngay bên phải hàng làm tròn và xét xem chữ số đó có nhỏ hơn 5 hay không. Có hai trường hợp:

Chữ số ngay bên phải hàng làm tròn nhỏ hơn 5:

Chữ số ngay bên phải hàng làm tròn lớn hơn hay bằng 5: Câu hỏi: GV lưu ý HS chữ số hàng làm tròn là chữ số có nghĩa, không được bỏ đi

- LT3: HS làm tại lớp, GV nhận xét kết quả

- VD: HS tự làm. GV gợi y: Người ta thường làm tròn một số liệu để dễ nhớ, dễ đọc hoặc để gây ấn tượng.

**Bước 2:HS thực hiện nhiệm vụ học tập**

+ HS tiếp nhận nhiệm vụ, trao đổi, thảo luận.

+ GV quan sát HS hoạt động, hỗ trợ khi HS cần

**Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**

+ GV gọi HS đứng tại chỗ trả lời câu hỏi.

+ GV gọi HS khác nhận xét, đánh giá.

**Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập**

+ GV đánh giá, nhận xét, chuẩn kiến thức, chuyển sang nội dung mới

**Hoạt động 2: Ước lượng**

**a. Mục tiêu**: HS biết cách ước lượng, giải quyết một số bài toán thực tế.

**b. Nội dung:** Đọc thông tin sgk, nghe giáo viên hướng dẫn, học sinh thảo luận, trao đổi.

**c. Sản phẩm học tập:**Câu trả lời của HS

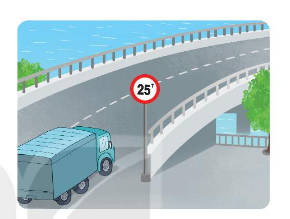
**Vận dụng 2:**

- Ta ước tính khối lượng của mỗi thùng hàng là  1 tấn

- Khối lượng của 9 thùng hàng trên xe là : 9.1=9 (tấn )

- Tổng khối lượng của cả xe và hàng là : 9+12=21 (tấn ) <25 (tấn )

Vậy xe hàng trên có được phép qua cầu.



**d. Tổ chức thực hiện:**

**Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**

- GV trình bày vấn đề, giới thiệu ước lượng trong đời sống hàng ngày

- VD2: giáo viên hướng dẫn hs: để ước lượng kết quả phép nhân 65 00 . 2,8 ta thay thừa số 2,8 bằng số 3

- Vận dụng 2: GV tổ chức làm theo nhóm. Thi thời gian và độ chính xác. Gợi y: cần ước lượng tổng khối lượng cả hàng hóa và xe xem có vượt quá 25 tấn hay không.

**Bước 2:HS thực hiện nhiệm vụ học tập**

+ HS tiếp nhận nhiệm vụ, trao đổi, thảo luận.

+ GV quan sát HS hoạt động, hỗ trợ khi HS cần

**Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**

+ GV gọi HS đứng tại chỗ trả lời câu hỏi.

+ GV gọi HS khác nhận xét, đánh giá.

**Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập**

+ GV đánh giá, nhận xét, chuẩn kiến thức, chuyển sang nội dung mới

**C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP**

**a. Mục tiêu:** Củng cố lại kiến thức đã học thông qua bài tập

**b. Nội dung:** Nghe giáo viên hướng dẫn, học sinh thảo luận, trao đổi.

**c. Sản phẩm học tập:** Câu trả lời của học sinh

**Câu 7.12:**

a. Làm tròn 387,0094 tới  hàng phần mười được kết quả là : 387,0

b. Làm tròn 387,0094 tới hàng trăm được kết quả là : 400.

**Câu 7.13:**

c.1 193,67

**Câu 7.14:**

Độ dài mỗi đoạn gỗ là : 6,32:4=1,58 (m)

Làm tròn 1,58 tới hàng phần chục ta được kết quả là : 1,6 (cm).

**d. Tổ chức thực hiện:** *GV yêu cầu HS trả lời các câu hỏi:*Hs làm bài tập 7.12, 7.13. 7.14

**-** *HS tiếp nhận nhiệm vụ, đưa ra câu trả lời:*

**Câu 7.12:** Làm tròn 387,0094 tới  hàng :

a. phần mười ;

b. trăm

**Câu 7.13:** Trong bốn số sau có một số là kết quả phép tính 256,3+ 892,37 +45. Bằng cách ước lượng, em hãy cho biết số đó là số nào .

a.1 190,65              b.2 356,67

c.1 193,67                d. 128,67

**Câu 7.14:** Chia đều một thanh gỗ dài 6,32 m thành bốn đoạn bằng nhau. Tính độ dài mỗi đoạn gỗ (Làm tròn kết quả tới hàng phần chục)

*-GV nhận xét, đánh giá và chuẩn kiến thức.*

**D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG**

**a. Mục tiêu:** Củng cố lại kiến thức đã học thông qua bài tập

**b. Nội dung:** Nghe giáo viên hướng dẫn, học sinh thảo luận, trao đổi.

**c. Sản phẩm học tập:** Câu trả lời của học sinh

**Câu 7.15:** Để đo khoảng cách giữa các hành tinh trong Hệ Mặt Trời , người ta sử dụng đơn vị thiên văn là AU ( 1 AU xấp xỉ bằng khoảng cách giữa Trái Đất và Mặt Trời ,được tính chinh xác là 149 597 870 700 m) .Để dễ viết ,dễ nhớ , người ta nói 1 AU bằng khoảng 150 triệu kilomet. Nói như vậy nghĩa là ta đã làm tròn số liệu trên tới hàng nghìn tỷ

**Câu 7.16:** Ta ước tính một quyển vở , một chiếc bút bi , một chiếc bút chì lần lượt là 5 000 đồng , 3 000 đồng , 3 000 đồng

Vậy tổng số tiền mua đồ dùng học tập hết khoảng : 5 000.15+3 000 .5+3 000.10= 120 000 ( đồng)

nên An có đủ tiền để mua đồ dùng học tập theo dự định .

**d. Tổ chức thực hiện:** *GV yêu cầu HS trả lời các câu hỏi:* HS làm bài tập 7.15, 7.16

**-** *HS tiếp nhận nhiệm vụ, đưa ra câu trả lời***:**

**Câu 7.15**: Để đo khoảng cách giữa các hành tinh trong Hệ Mặt Trời , người ta sử dụng đơn vị thiên văn là AU ( 1 AU xấp xỉ bằng khoảng cách giữa Trái Đất và Mặt Trời ,được tính chinh xác là 149 597 870 700 m) .Để dễ viết ,dễ nhớ , người ta nói 1 AU bằng khoảng 150 triệu kilomet. Nói như vậy nghĩa là ta đã làm tròn số liệu trên tới hàng nào ?

**Câu 7.16**: Mẹ cho An 150 000 đồng để mua đồ dùng học tập . An dự tính mua 15 quyển vở, 5 chiếc bút bi và 10 chiếc bút chì. Gía của một quyển vở ,một chiếc bút bi ,một chiếc bút chì lần lượt là 5 400 đồng, 2 800 đồng, 3 000 đồng .Em hãy ước lượng xem An có đủ tiền để mua đồ dùng học tập theo dự định không ?

**IV. KẾ HOẠCH ĐÁNH GIÁ**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Hình thức đánh giá** | **Phương pháp đánh giá** | **Công cụ đánh giá** | **Ghi chú** |
| Sự tích cực, chủ động của HS trong quá trình tham gia các hoạt động học tập | Vấn đáp, kiểm tra miệng | Phiếu quan sát trong giờ học |  |
| Sự hứng thú, tự tin khi tham gia bài học | Kiểm tra viết | Thang đo, bảng kiểm |  |
| Thông qua nhiệm vụ học tập, rèn luyện nhóm, hoạt động tập thể,… | Kiểm tra thực hành | Hồ sơ học tập, phiếu học tập, các loại câu hỏi vấn đáp |  |

**V. HỒ SƠ DẠY HỌC** *(Đính kèm các phiếu học tập/bảng kiểm....)*

|  |  |
| --- | --- |
| **Tuần 25**  **Tiết 66, 67** | ***Ngày soạn: 9/03/2024***  ***Ngày dạy:15/03/2024*** |

**BÀI 31: MỘT SỐ BÀI TOÁN VỀ TỈ SỐ PHẦN TRĂM**

**I. MỤC TIÊU**

**1. Kiến thức:**

Nhận biết được tỉ số phần trăm của hai số và của hai đại lượng (cùng loại, cùng đơn vị đo)

**2. Kĩ năng và năng lực**

**a. Kĩ năng:**

- Sử dụng được kí hiệu tỉ số, tỉ số phần trăm của hai số

- Tính được tỉ số phần trăm của hai số đó. Tính được tỉ số phần trăm của hai đại lượng

- Tính được giá trị phần trăm của một số cho trước

- Tìm được một số khi biết giá trị phần trăm của số đó

- Giải quyết được một số bài toán thực tế về tỉ số, tỉ số phần trăm. Từ đó phát triển năng lực mô hình hóa và giải quyết vấn đề

**b. Năng lực:**

- Năng lực chung: Năng lực tư duy và lập luận toán học; năng lực mô hình hóa toán học; năng lực giải quyết vấn đề toán học; năng lực giao tiếp toán học; năng lực sử dụng công cụ, phương tiện học toán

- Năng lực riêng:

+ Tính tỉ số hay số phần trăm của hai số, hai đại lượng

+ Tính giá trị phần trăm của một số cho trước; tìm một số khi biết giá trị phần trăm của số đó

+ Giải quyết được một số vấn đề thực tiễn liên quan đến tỉ số, tỉ số phần trăm

**3. Phẩm chất**

- Rèn luyện thói quen tự học, ý thức hoàn thành nhiệm vụ học tập, bồi dưỡng hứng thú học tập cho HS.

- Giáo dục y thức tiết kiệm, thói quen ăn uống lành mạnh, khoa học

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

**1. Đối với giáo viên:** Gv cần tìm hiểu thêm một số nội dung như lãi suất tín dụng, nồng độ dung dịch, thành phần các chất, lợi nhuận-thua lỗ, giảm giá khuyến mại;... để có thể giải thích ngắn gọn, dễ hiểu cho HS. Nếu có điều kiện, GV chuẩn bị một điện thoại thông minh có tải phần mềm Plickers, mã làm bài cho mỗi HS để có thể đánh giá nhanh chóng các kĩ năng của HS (https://grt.plickers.com/)

**2. Đối với học sinh:** Đồ dùng học tập (vở nháp, bút,...)

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**A. HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG**

**a. Mục tiêu:** Tạo tâm thế hứng thú cho học sinh và từng bước làm quen bài học.

**b. Nội dung:** GV trình bày vấn đề, HS trả lời câu hỏi

**c. Sản phẩm học tập:** HS lắng nghe và tiếp thu kiến thức

**d. Tổ chức thực hiện:**

*Gv trình bày vấn đề*:*Ở tiểu học chúng ta đã làm quen với tỉ số và tỉ số phần trăm. Sau đây chúng ta sẽ tìm hiểu thêm về hai khái niệm này và cách giải quyết một số bài toán có liên quan thường gặp trong thực tế đời sống, chẳng hạn lãi suất tín dụng, thành phần các chất trong Hóa học, giảm giá, lợi nhuận-thua lỗ,…*

**B.HÌNH THÀNH KIẾN THỨC MỚI**

**Hoạt động 1: Tỉ số và tỉ số phần trăm**

**a. Mục tiêu**:

- Nắm được khái niệm tỉ số của hai số tùy ‎y

- Cách viết tỉ số dưới dạng phần trăm (cách tính tỉ số phần trăm của hai số thập phân đã cho)

- Giải quyết bài toán thực tế

**b. Nội dung:** Đọc thông tin sgk, nghe giáo viên hướng dẫn, học sinh thảo luận, trao đổi.

**c. Sản phẩm học tập:**Câu trả lời của HS

**- HĐ1:**

Tỉ số khối lượng chất bột đường và khối lượng của khoai lang là:

**- HĐ2:**

Tỉ số khối lượng chất xơ và khối lượng của khoai lang là:

=

**- Câu hỏi 1:**

Tỉ số khối lượng chất xơ và khối lượng của khoai lang dưới dạng phần trăm là :

. 1001.3%$

**- Vận dụng 1:**

Bạn dũng đã trúng cử Chi đội trưởng với tỉ số phần trăm phiêu biều là:

**. 100% = 80%**

**d. Tổ chức thực hiện:**

**Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**

- HĐ1: Gv gọi 1 hs lên bảng làm, cả lớp làm vào vở.

- HĐ2: GV chú ‎ hs 2,6 không phải là số tự nhiên. Gv trình bày văn bản trong hộp kiến thức

+ GV nhấn mạnh chỉ yêu cần viết tỉ số (không yêu cầu tính)

+ GV giảng ngắn gọn, hs chép kiến thức vào vở. Yêu cầu 1 hs đứng tại chỗ đọc lại để kiểm tra

- Chú y: GV nhấn mạnh để hs nắm rõ tỉ số phần trăm chỉ là một cách viết đặc biệt của tỉ số và được sủ dụng thường xuyên. Tuy nhiên, trong thực tế chỉ cần viết tỉ số của hai số nhưng khi viết tỉ số dưới dạng tỉ số phần trăm thì phải tính chứ không chỉ là viết

- Câu hỏi: Hs tự làm. GV gọi 1 hs lên bảng làm và chữa cho cả lớp

- VD1: HS tự làm. GV chữa

- Vận dụng 1: GV có thể dùng ứng dụng Plickers để thống kê nhanh kết quả làm bài của HS

**Bước 2:HS thực hiện nhiệm vụ học tập**

+ HS tiếp nhận nhiệm vụ, trao đổi, thảo luận.

+ GV quan sát HS hoạt động, hỗ trợ khi HS cần

**Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**

+ GV gọi HS đứng tại chỗ trả lời câu hỏi.

+ GV gọi HS khác nhận xét, đánh giá.

**Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập**

+ GV đánh giá, nhận xét, chuẩn kiến thức, chuyển sang nội dung mới

**Hoạt động 2: Hai bài toán về tỉ số phần trăm**

**a. Mục tiêu**:

- Nắm được cách tìm phần trăm của một số cho trước

- Vận dụng vào một số bài toán thực tế

- Cách tìm một số khi biết giá trị phần trăm của số đó

**b. Nội dung:** Đọc thông tin sgk, nghe giáo viên hướng dẫn, học sinh thảo luận, trao đổi.

**c. Sản phẩm học tập:**Câu trả lời của HS

**- Vận dụng 2:**



Số mét khối oxygen trong một căn phòng có thể tích 70,2 m3 là:

21% . 70,2 = 14,742 (m3 )

**- Vận dụng 3:**

Số người tham gia bình chọn:

120 : 60% = 200 (người)

- Một số kiến thức về lãi suất tín dụng: Kì hạn tiền gửi, lãi suất tiền gửi có kì hạn. Lãi suất tiền gửi trong một kì hạn là tỉ số phần trăm của số tiền lãi trong một kì hạn và số tiền gửi. Lãi suất càng cao thì lợi nhuận từ tiền gửi càng lớn.

**d. Tổ chức thực hiện:**

**Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**

- GV nhắc lại ngắn gọn hai bài toán về phân số đã học trong bài 27, chương VI

- GV yêu cầu HS nhắc lại cách tìm của một số a đã cho. Viết công thức tính lên bảng

- Tiếp tục yêu cầu HS đọc công thức tính của một số a để đi tới kết luận nêu trong hộp kiến thức.

- Yêu cầu HS ghi nội dung hộp kiến thức vào vở

- VD2: HS làm bài. GV có thể sử dụng Plickers để thống kê nhanh kết quả. Gv có thể cung cấp thêm kiến thức về lãi suất tín dụng

- Vận dụng 2: GV nên cung cấp thêm thông tin về thành phần không khí. HS làm bài. Nếu có điều kiện, GV sử dụng Plickers, để thống kê nhanh kết quả.

- Hộp kiến thức: GV có thể yêu cầu HS nhắc lại cách tìm một số khi biết của số đó bằng b đã cho Viết công thức tính lên bảng rồi yêu cầu HS đọc công thức tìm số mà của số đó là b. GV tổng kết và yêu cầu HS ghi đầy đủ hộp kiến thức vào vở.

- VD3: GV cung cấp thêm một cách ngắn gọn: khi kinh doanh thì sẽ cần đến vốn. Nếu kết quả kinh doanh (tiền thu được) cao hơn vốn thì kinh doanh có lãi: *tiền lãi = tiền thu được – tiền vốn.*

Ngược lại, nếu tiền thu được ít hơn tiền vốn thì kinh doanh thua lỗ:*tiền lỗ = tiền vốn – tiền thu được*

- Vận dụng 3:Đây là một bài toán quen thuộc với HS, CV có thể cho HS tự làm tại lớp. Nếu có điều kiện, CV sử dụng Plickers để thống kê nhanh kết quả.

**Bước 2:HS thực hiện nhiệm vụ học tập**

+ HS tiếp nhận nhiệm vụ, trao đổi, thảo luận.

+ GV quan sát HS hoạt động, hỗ trợ khi HS cần

**Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**

+ GV gọi HS đứng tại chỗ trả lời câu hỏi.

+ GV gọi HS khác nhận xét, đánh giá.

**Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập**

+ GV đánh giá, nhận xét, chuẩn kiến thức, chuyển sang nội dung mới

**C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP**

**a. Mục tiêu:** Củng cố lại kiến thức đã học thông qua bài tập

**b. Nội dung:** Nghe giáo viên hướng dẫn, học sinh thảo luận, trao đổi.

**c. Sản phẩm học tập:** Câu trả lời của học sinh

**Câu 7.17:**

a.25% của 8= 25%.8=2;

b.7,5% của 180=75%.180=135

**Câu 7.18:**

Sau một năm , bác Đức rút cả vỗn lẫn lãi thì nhận được số  tiền là :

150.7,4%+150=150.(1+7,4%)= 161,1( triệu đồng ).

**Câu 7.19:**

Khi mua một chiếc điện thoại loại này người mua được giảm số tiền là:

625.10%=62,5 ( nghìn đồng).

**d. Tổ chức thực hiện:**

*- GV yêu cầu HS trả lời các câu hỏi:*HS làm bài tập 7.17, .7.18, 7.19

**-** *HS tiếp nhận nhiệm vụ, đưa ra câu trả lời:*

**Câu 7.17: Tính:**

a.25% của 8;

b.7,5% của 180.

**Câu 7.18:** Lãi suất tiền gửi kì hạn một năm của một ngân hàng là 7,4 % .Bác Đức gửi 150 triệu vào ngân hàng đó. Sau một năm , bác Đức rút cả vỗn lẫn lãi thì nhận được bao nhiêu tiền?

**Câu 7.19:** Gía niêm yết của một chiếc điện thoại di động là 625 nghìn đồng .Trong chương trình khuyến mại, mặt hàng này được giảm giá 10%.Như vậy, khi mua một chiếc điện thoại loại này người mua được giảm bao nhiêu tiền ?

*-GV nhận xét, đánh giá và chuẩn kiến thức.*

**D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG**

**a. Mục tiêu:** Củng cố lại kiến thức đã học thông qua bài tập

**b. Nội dung:** Nghe giáo viên hướng dẫn, học sinh thảo luận, trao đổi.

**c. Sản phẩm học tập:** Câu trả lời của học sinh

**Câu 7.20:**

Trong 10 năm , số người Mường ở Việt Nam tăng số người là:

1 137 515-914 396=223 119 ( người)

Trong 10 năm , số người Mường ở Việt Nam tăng số phần trăm là :

(223 119 : 1 137 515).100%=19,6%

**d. Tổ chức thực hiện:**

*- GV yêu cầu HS trả lời các câu hỏi: :* HS làm bài tập 7.20

**-** *HS tiếp nhận nhiệm vụ, đưa ra câu trả lời:*

**Câu 7.20:** Theo Tổng cục Thống kê, năm 1989 cả nước có 914 396 người dân tộc Mường.Sau 10 năm số người Mường đã tăng lên thành 1 137 515 người.Em hãy cho biết trong 10 năm đó , số người Mường ở Việt Nam đã tăng bao nhiêu phần trăm?(làm tròn kết quả tới hàng phần mười).

*-GV nhận xét, đánh giá và chuẩn kiến thức.*

**IV. KẾ HOẠCH ĐÁNH GIÁ**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Hình thức đánh giá** | **Phương pháp đánh giá** | **Công cụ đánh giá** | **Ghi chú** |
| Sự tích cực, chủ động của HS trong quá trình tham gia các hoạt động học tập | Vấn đáp, kiểm tra miệng | Phiếu quan sát trong giờ học |  |
| Sự hứng thú, tự tin khi tham gia bài học | Kiểm tra viết | Thang đo, bảng kiểm |  |
| Thông qua nhiệm vụ học tập, rèn luyện nhóm, hoạt động tập thể,… | Kiểm tra thực hành | Hồ sơ học tập, phiếu học tập, các loại câu hỏi vấn đáp |  |

**V. HỒ SƠ DẠY HỌC** *(Đính kèm các phiếu học tập/bảng kiểm....)*